

PHỤ LỤC 5

SỞ TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

**GIÁ CHƯƠNG TRÌNH BÌNH ỔN THỊ TRƯỜNG CÁC MẶT HÀNG DƯỢC PHẨM THIẾT YẾU
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH NĂM 2022 - 2023**
(Áp dụng kể từ ngày 02 tháng 4 năm 2022)

STT	Tên hoạt chất, nồng độ, hàm lượng	Biệt dược	Nhà sản xuất	ĐVT	Giá bán lẻ năm 2022-2023
I	THUỐC GIẢM ĐAU, HẠ SỐT, KHÁNG VIÊM				
1	Paracetamol 150mg	AGIMOL 150	AGIMEXPHARM	Gói	1.375
2	Paracetamol 325mg	ACETAB 325	AGIMEXPHARM	Viên	270
3	Paracetamol 325mg	AGIMOL 325	AGIMEXPHARM	Gói	1.595
4	Paracetamol 325mg Clorpheniramin maleat 2mg Natri benzoat 100mg	ACEGOI	AGIMEXPHARM	Gói	1.620
5	Paracetamol 400mg Cafein 40mg Clorpheniramin maleat 2mg	PAMOLCAP	AGIMEXPHARM	Viên	520
6	Paracetamol 500mg	ACETAB 500	AGIMEXPHARM	Viên	375
7	Paracetamol 500mg	AGICEDOL	AGIMEXPHARM	Viên	395
8	Paracetamol 500mg	AGI-TYFEDOL 500	AGIMEXPHARM	Viên	375
9	Paracetamol 500mg Cafein 65mg	ACETAB EXTRA	AGIMEXPHARM	Viên	530
10	Paracetamol 500mg Phenylephrin HCl 5mg Clorpheniramin maleat 2mg	AGIDORIN	AGIMEXPHARM	Viên	640
11	Paracetamol 500mg, Cafein 25mg, Phenylephrin HCl 5mg	AGIDOLGEN	AGIMEXPHARM	Viên	650

STT	Tên hoạt chất, nồng độ, hàm lượng	Biệt dược	Nhà sản xuất	ĐVT	Giá bán lẻ năm 2022-2023
12	Paracetamol 650mg	ACETAB 650	AGIMEXPHARM	Viên	510
13	Paracetamol 80mg	AGIMOL 80	AGIMEXPHARM	Gói	1.155
14	Meloxicam 7,5mg	MECASEL 7.5	Roussel	Viên	1.050
15	Meloxicam	Meloxicam 7,5 mg	IMEXPHARM	Viên	945
16	Ibuprofen 400mg	IBUPROFEN	Công ty CPDP 3/2	viên	650
17	Etoricoxid 120mg	ZOSTOPAIN 120	Công ty CPDP 3/2	viên	4.200
18	Etoricoxid 90mg	ZOSTOPAIN 90	Công ty CPDP 3/2	viên	4.750
II	THUỐC TRỊ HO				
19	Acetylcystein 200mg	ACECYST gói	AGIMEXPHARM	Gói	2.050
20	Bromhexin hydroclorid 0,024g/30ml	AGI-BROMHEXINE 30ml	AGIMEXPHARM	Chai	18.000
21	Bromhexin hydroclorid 0,048g/60ml	AGI-BROMHEXINE 60ml	AGIMEXPHARM	Chai	18.600
22	Bromhexin hydroclorid 4mg	AGI-BROMHEXINE 4	AGIMEXPHARM	Viên	250
23	Bromhexin hydroclorid 4mg/5ml	AGI-BROMHEXINE 5ml	AGIMEXPHARM	Gói	1.800
24	Bromhexin hydroclorid 8mg	AGI-BROMHEXINE	AGIMEXPHARM	Viên	195
25	Dextromethorphan.HBr 72mg + Chlorpheniramin 18mg + Guaiphenesin 600mg	AGITUSS 60ml	AGIMEXPHARM	Chai	17.000
26	Tripolidin Hydroclorid 7,5mg, Phenylephrin Hydroclorid 30mg, Dextromethorphan Hydrobromid 60mg.	TRINDIFED-DM 30ml	AGIMEXPHARM	Chai	12.900
27	Acetylcystein 200mg	Acetylcystein EG 200mg	Pymepharco	Gói	1.680
28	Eucalyptol 100mg; Menthol 0,5mg; Tinh dầu tần 0,18mg; Tinh dầu gừng 0,5mg	EUMINTAN	Pymepharco	Viên	700
29	Guaifenesin 100mg; Cetirizin dihydrochlorid 5mg; Dextromethorphan hydrobromid 15mg	Cidetuss	IMEXPHARM	Viên	1.155
30	Clorpheniramin Maleat 4 mg	CLORPHENIRAMIN 4mg	Công ty CPDP 3/2	viên	37
31	Dextromethorphan hydrobromid 15 mg	DEXTROMETHORPHAN 15mg	Công ty CPDP 3/2	viên	276

STT	Tên hoạt chất, nồng độ, hàm lượng	Biệt dược	Nhà sản xuất	ĐVT	Giá bán lẻ năm 2022-2023
32	Acetylcystein 200mg	ACETYLCYSTEIN 200 mg	Công ty CPDP 3/2	viên	714
III	THUỐC CHỐNG DỊ ỨNG				
33	Alimemazin tartrat 10mg	AGINMEZIN 10	AGIMEXPHARM	Viên	360
34	Betamethason 0,25 mg Dexchlorpheniramin maleat 2mg	AGIBETADEX	AGIMEXPHARM	Viên	220
35	Clorpheniramin maleat 4mg	ALLERMINE VNE	AGIMEXPHARM	Viên	200
36	Dexchlorpheniramin maleat 2mg	AGIDEXCLO	AGIMEXPHARM	Viên	200
37	Dimenhydrinat 50 mg	NATURIMINE	AGIMEXPHARM	Viên	1.000
38	Fexofenadin HCl 120mg	AGIMFAST 120	AGIMEXPHARM	Viên	2.300
39	Fexofenadin HCl 120mg	GIMFASTNEW 120	AGIMEXPHARM	Viên	2.300
40	Fexofenadin HCl 180mg	AGIMFAST 180	AGIMEXPHARM	Viên	2.500
41	Fexofenadin HCl 60mg	AGIMFAST 60	AGIMEXPHARM	Viên	1.400
42	Levocetirizin dihydroclorid 5mg	LEVOAGI	AGIMEXPHARM	Viên	1.000
43	Promethazin hydroclorid 5mg	PROMETHAZIN	AGIMEXPHARM	Gói	1.500
44	Loratadin 10mg	AGILODIN	AGIMEXPHARM	Viên	1.160
45	Ebastin 20mg	BASTINFAST 20	AGIMEXPHARM	Viên	9.500
46	Cetirizin 10mg	Pyme CZ10 VNAM	Pymepharco	Viên	1.000
47	Desloratadin 5mg	DESLORA	Pymepharco	Viên	1.800
48	Loratadin 10mg	ALORAX	Pymepharco	Viên	1.000
49	Fexofenadin HCL 60mg	Imexofen 60	IMEXPHARM	Viên	1.575
50	Loratadin 10 mg	Loratadin 10 mg	IMEXPHARM	Viên	840
51	Cetirizin 10mg	CETIRIZIN 10 mg	Công ty CPDP 3/2	viên	263
52	Fexofenadin 120mg	AKFEDIN 120	Công ty CPDP 3/2	Viên	1.600
53	Fexofenadin 180mg	AKFEDIN 180	Công ty CPDP 3/2	Viên	2.400
IV	THUỐC NHỎ MẮT				
54	Tobramycin 0,3%	TOBCOL	Công ty CPDP 3/2	Lọ	13.125
55	Tobramycin 15mg + Dexamethason natri phosphat 5mg	TOBCOL-DEX	Công ty CPDP 3/2	Lọ	23.500
V	THUỐC TRỊ ĐAU DẠ DÀY				

STT	Tên hoạt chất, nồng độ, hàm lượng	Biệt dược	Nhà sản xuất	ĐVT	Giá bán lẻ năm 2022-2023
56	Itoprid hydroclorid 50mg	ITOPAGI	AGIMEXPHARM	Viên	3.000
57	Mosaprid 5mg	AGIMOSARID	AGIMEXPHARM	Viên	2.200
58	Nhôm hydroxyd 400mg Magnesi hydroxyd 400mg	MAGALTAB	AGIMEXPHARM	Viên	560
59	Omeprazole 20mg	AGIMEPZOL 20	AGIMEXPHARM	Viên	800
60	Omeprazole 20mg	AG-OME VNA	AGIMEXPHARM	Viên	800
61	Omeprazole 40mg	AGIMEPZOL 40	AGIMEXPHARM	Viên	1.400
62	Pantoprazol 40mg	PANTAGI	AGIMEXPHARM	Viên	2.750
63	Rabeprazol sodium 10mg	RABEPAGI 10	AGIMEXPHARM	Viên	1.300
64	Racecadotril 30mg	RACEDAGIM 30	AGIMEXPHARM	Gói	3.500
65	Simethicon 80mg	MOGASTIC 80	AGIMEXPHARM	Viên	680
66	Simethicon 2g	DOAGITHICON	AGIMEXPHARM	Chai	25.000
67	Omeprazol 20mg	OMESEL 20	Roussel	Viên	2.100
68	Nhôm hydroxyd (gel khô) 400mg, Magnesi hydroxyd 400mg	TALANTA	Pymepharco	Viên	900
69	Omeprazole 40mg	Omeprazole EG 40mg	Pymepharco	Viên	2.520
70	Pantoprazol 40mg	PIPANZIN	Pymepharco	Viên	4.800
71	Omeprazol 20 mg	Moprazol	IMEXPHARM	Viên	1.050
72	Lansoprazol 30mg	LANSOPRAZOL	Công ty CPDP 3/2	Viên	945
73	Famotidine 40 mg	FAMOTIDIN 40mg	Công ty CPDP 3/2	Viên	462
74	Pantoprazol 40mg	PANTOPRAZOL	Công ty CPDP 3/2	Viên	2.940
VI	THUỐC TRỊ TIÊU CHẢY				
75	Diocetahedrat smectite 3g	SMECGIM	AGIMEXPHARM	Gói	2.800
76	Loperamid hydroclorid 2mg	LOPERAMID	AGIMEXPHARM	Viên	360
77	Loperamid hydroclorid 2mg Acid benzoic 5mg Camphor 1,4mg Tinh dầu hồi 0,6mg	LOPETAB	AGIMEXPHARM	Viên	400
78	Racecadotril 100mg	RACEDAGIM 100	AGIMEXPHARM	Viên	1.950

STT	Tên hoạt chất, nồng độ, hàm lượng	Biệt dược	Nhà sản xuất	ĐVT	Giá bán lẻ năm 2022-2023
79	Racecadotril 100mg	RACEDAGIM 100 VNE	AGIMEXPHARM	Viên	1.950
80	Racecadotril 10mg	RACEDAGIM 10	AGIMEXPHARM	Gói	2.250
81	Kẽm sulfat monohydrat 0,11g/ chai 90ml	FARZINCOL	Công Ty CP Dược Phẩm Dược Liệu Pharmedic	Chai	26.600
VII	THUỐC TIM MẠCH				
82	Atorvastatin 10mg	STATINAGI 10	AGIMEXPHARM	Viên	2.160
83	Atorvastatin 20mg	STATINAGI 20	AGIMEXPHARM	Viên	2.800
84	Cilnidipin 10mg	KALDALOC	AGIMEXPHARM	Viên	6.000
85	Cilostazol 50mg	CRYBOTAS 50	AGIMEXPHARM	Viên	3.500
86	Enalapril 5mg	AGINARIL®5	AGIMEXPHARM	Viên	600
87	Ezetimib 10mg + Atorvastatin 10mg	EZENSTATIN 10/10	AGIMEXPHARM	Viên	6.000
88	Ezetimib 10mg + Atorvastatin 20mg	EZENSTATIN 10/20	AGIMEXPHARM	Viên	11.500
89	Ezetimib 10mg + Simvastatin 10mg	EZENSIMVA 10/10	AGIMEXPHARM	Viên	6.000
90	Ezetimib 10mg + Simvastatin 20mg	EZENSIMVA 10/20	AGIMEXPHARM	Viên	7.000
91	Irbesartan 300mg, Hydrochlorothiazid 12,5mg	IHYBES-H 300	AGIMEXPHARM	Viên	5.200
92	Lisinopril 10mg	AGIMLISIN 10	AGIMEXPHARM	Viên	2.450
93	Methyldopa 125mg	AGIDOPA 125	AGIMEXPHARM	Viên	950
94	Pravastatin natri 40mg	AGIVASTAR 40	AGIMEXPHARM	Viên	8.700
95	Rosuvastatin 10mg	ROTINVAST 10	AGIMEXPHARM	Viên	5.670
96	Rosuvastatin 20mg	AGIROVASTIN 20	AGIMEXPHARM	Viên	8.505
97	Valsartan 160mg Hydrochlorothiazid 12,5mg	VALSGIM-H160/12,5	AGIMEXPHARM	Viên	5.900
98	Valsartan 80mg Hydrochlorothiazid 12,5mg	VALSGIM-H 80	AGIMEXPHARM	Viên	5.400
99	Gemfibrozil 600mg	LOPIGIM 600	AGIMEXPHARM	Viên	4.000
100	Cilostazol 100mg	CRYBOTAS 100	AGIMEXPHARM	Viên	7.000
101	Doxazosin 2mg	DOXAGISIN	AGIMEXPHARM	Viên	3.500

STT	Tên hoạt chất, nồng độ, hàm lượng	Biệt dược	Nhà sản xuất	ĐVT	Giá bán lẻ năm 2022-2023
102	Bosentan (dưới dạng bosentan monohydrat) 62,5mg	AGBOSEN 62,5	AGIMEXPHARM	Viên	61.000
103	Bosentan (dưới dạng bosentan monohydrat) 125mg	AGBOSEN 125	AGIMEXPHARM	Viên	95.000
104	Amlodipine 5mg	AMLODIPINE EG 5mg	Pymepharco	Viên	840
105	Felodipin 5mg	FLODICAR 5mg MR	Pymepharco	Viên	3.900
106	Telmisartan 40mg	HYPERTEL 40mg	Pymepharco	Viên	3.000
107	Atorvastatin Ca 20mg	Lipistad 20	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm-CN1	viên	1.500
108	Indapamid hemihydrat 2,5mg	Pamidstad 2.5	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm-CN1	viên	1.500
109	Rosuvastatin (calci) 20mg	Rosuvastatin STELLA 20mg	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm-CN1	viên	5.500
110	Amlodipin 5mg	AMLOEFTI 5 mg	Công ty CPDP 3/2	viên	630
111	Atorvastatin 10mg	FORVASTIN 10	Công ty CPDP 3/2	Viên	1.200
112	Atorvastatin 20mg	FORVASTIN 20	Công ty CPDP 3/2	Viên	1.638
113	Irbesartan 150mg	IRBESARTAN 150	Công ty CPDP 3/2	Viên	3.255
114	Irbesartan 300mg	IRBESARTAN 300	Công ty CPDP 3/2	Viên	5.145
VIII	THUỐC ĐIỀU TRỊ TIỂU ĐƯỜNG				
115	Glimepirid 4mg	GLIMEGIM 4	AGIMEXPHARM	Viên	3.200
116	Glimepirid 4mg	GLIMEGIM 4	AGIMEXPHARM	Viên	3.200
117	Linagliptin 5mg	TRIDJANTAB	AGIMEXPHARM	Viên	15.000
118	Repaglinid 0,5mg	DIMOBAS 0,5	AGIMEXPHARM	Viên	3.000
119	Sitagliptin 100mg	SITAGIBES 100	AGIMEXPHARM	Viên	16.900
120	Sitagliptin 50mg	SITAGIBES 50	AGIMEXPHARM	Viên	9.000
121	Metformin HCl 850mg	DIABESEL 850	Roussel	Viên	2.400

STT	Tên hoạt chất, nồng độ, hàm lượng	Biệt dược	Nhà sản xuất	ĐVT	Giá bán lẻ năm 2022-2023
122	Metformin HCl 500mg	PYMETPHAGE - 500	Pymepharco	Viên	900
123	Metformin HCl 850mg	PYMETPHAGE - 850	Pymepharco	Viên	1.500
124	Acarbose 50mg	MEDBOSE 50	Công ty CPDP 3/2	Viên	2.520
IX	THUỐC KHÁNG SINH-SULFAMID				
125	Amoxicillin 500mg Kali Clavuclanat 125mg	AUGTIPHA 625mg	AGIMEXPHARM	Viên	7.500
126	Amoxicillin 500mg Kali Clavuclanat 62.5mg	AUGTIPHA 562,5mg	AGIMEXPHARM	Gói	8.500
127	Amoxicillin 875mg Kali Clavuclanat 125mg	AUGTIPHA 1g	AGIMEXPHARM	Viên	9.500
128	Azithromycin 500mg	AGITRO 500	AGIMEXPHARM	Viên	8.000
129	Ciprofloxacin 500mg	AGICIPRO	AGIMEXPHARM	Viên	1.700
130	Clarithromycin 500mg	AGICLARI 500	AGIMEXPHARM	Viên	6.000
131	Levofloxacin 500mg	LEVAGIM	AGIMEXPHARM	Viên	5.900
132	Lincomycin 500 mg	AGILINCO	AGIMEXPHARM	Viên	1.850
133	Rifampicin 300mg	AGIFAMCIN 300	AGIMEXPHARM	Viên	2.522
134	Spiramycin 0,75 M.IU	ROVAGI 0,75	AGIMEXPHARM	Gói	2.455
135	Spiramycin 1,5 M.IU	ROVAGI 1,5	AGIMEXPHARM	Viên	2.950
136	Spiramycin 3 M.IU	ROVAGI 3	AGIMEXPHARM	Viên	5.750
137	Spiramycin 750.000IU Metronidazole 125mg	AGIMDOGYL	AGIMEXPHARM	Viên	1.900
138	Sulfamethoxazol 800mg Trimethoprim 160mg	AGI-COTRIM F	AGIMEXPHARM	Viên	700
139	Azithromycin 250mg	AZISSEL 250	Roussel	Viên	4.830
140	Azithromycin 500mg	AZISSEL 500	Roussel	Viên	9.639
141	Cefalexin 250mg	CEFATAM 250	Pymepharco	Viên	1.300
142	Cefalexin 500mg	CEFATAM 500	Pymepharco	Viên	2.300
143	Cefdinir 300mg	CEFTANIR 300mg	Pymepharco	Viên	12.000
144	Cefpodoxime 100mg	CEPOXITIL 100	Pymepharco	Viên	7.560

STT	Tên hoạt chất, nồng độ, hàm lượng	Biệt dược	Nhà sản xuất	ĐVT	Giá bán lẻ năm 2022-2023
145	Cefradin 500mg	DONCEF	Pymepharco	Viên	3.000
146	Cefuroxim 500mg	Negacef 500	Pymepharco	Viên	13.800
147	Ciprofloxacin 500mg	Pycip 500	Pymepharco	Viên	2.800
148	Levofloxacin 250mg	LEVOQUIN 250	Pymepharco	Viên	6.000
149	Levofloxacin 500mg	LEVOQUIN 500	Pymepharco	Viên	9.800
150	Amoxicillin 500mg Sulbactam 125mg	Bactamox 625mg	IMEXPHARM	Gói	12.600
151	Amoxicillin 500mg Sulbactam 250mg	Bactamox 750mg	IMEXPHARM	Viên	11.550
152	Amoxicillin 250mg Sulbactam 250mg	Bactamox 500mg	IMEXPHARM	Viên	8.400
153	Amoxicillin 875mg Sulbactam 125mg	Bactamox 1g	IMEXPHARM	Viên	13.965
154	Amoxicilline 500 mg Acid clavulanic 125mg	Claminat IMP 625mg	IMEXPHARM	Viên	7.035
155	Amoxicilline 875 mg Acid clavulanic 125mg	Claminat 1 g	IMEXPHARM	Viên	13.230
156	Amoxicilline 250 mg Acid clavulanic 31.25mg	Claminat IMP 250mg/31,25 mg	IMEXPHARM	Gói	5.985
157	Amoxicilline 250 mg Acid clavulanic 62.5mg	Claminat 250mg/62.5mg	IMEXPHARM	Gói	6.300
158	Amoxicilline 500 mg Acid clavulanic 62.5mg	Claminat 500mg/62,5 mg	IMEXPHARM	Gói	9.975
159	Cefixim 200mg	Imexime 200	IMEXPHARM	viên	9.450
160	Cefadroxil 250 mg	Cefadroxil 250 mg	IMEXPHARM	Gói	3.360
161	Levofloxacin 500 mg	Levofloxacin 500mg	IMEXPHARM	Viên	5.250
162	Cefuroxime 250 mg	Zanimex 250 mg	IMEXPHARM	Viên	8.400
163	Cefuroxime 500 mg	Zanimex 500 mg	IMEXPHARM	Viên	15.750
X	THUỐC KHÁNG VIÊM CORTICOID				

STT	Tên hoạt chất, nồng độ, hàm lượng	Biệt dược	Nhà sản xuất	ĐVT	Giá bán lẻ năm 2022-2023
164	Betamethason 0,5 mg	AGI-BETA	AGIMEXPHARM	Viên	215
165	Chymotrypsin 4,2mg tương đương 21 microkatal	AGICHYMO	AGIMEXPHARM	Viên	1.200
166	Diclofenac natri 50mg	FENAGI 50	AGIMEXPHARM	Viên	320
167	Etodolac 200mg	ETODAGIM	AGIMEXPHARM	Viên	2.600
168	Ibuprofen 200mg	AGIROFEN 200	AGIMEXPHARM	Viên	480
169	Ibuprofen 400mg	AGIROFEN 400	AGIMEXPHARM	Viên	650
170	Ibuprofen 600mg	AGIROFEN	AGIMEXPHARM	Viên	850
171	Meloxicam 15mg	AGIMESI 15	AGIMEXPHARM	Viên	1.200
172	Meloxicam 7.5mg	AGIMESI 7,5	AGIMEXPHARM	Viên	750
173	Methylprednisolon 16mg	AGIMETPRED 16	AGIMEXPHARM	Viên	2.500
174	Methylprednisolon 4mg	AGIMETPRED 4	AGIMEXPHARM	Viên	750
175	Nabumeton 500mg	BUTOCOX 500	AGIMEXPHARM	Viên	3.000
176	Nabumeton 750mg	BUTOCOX 750	AGIMEXPHARM	Viên	5.900
177	Methylprednisolon 16mg	Metprednew IMP 16	IMEXPHARM	Viên	3.150
XI	THUỐC CHỐNG THOÁI HÓA KHỚP				
178	Colchicin 0,6mg	GOUTCOLCIN 0,6	AGIMEXPHARM	Viên	980
179	Diacerein 50mg	AGDICERIN	AGIMEXPHARM	Viên	3.850
180	Etoricoxib 60mg	AGIETOXIB 60	AGIMEXPHARM	Viên	4.900
181	Etoricoxib 90mg	AGIETOXIB 90	AGIMEXPHARM	Viên	6.000
182	Etoricoxib 120mg	AGIETOXIB 120	AGIMEXPHARM	Viên	7.000
XII	THUỐC TRỊ GIUN				
183	Albendazol	Albenca 200	IMEXPHARM	Viên	2.940
XIII	THUỐC TRỢ TIÊU HÓA				
184	Alverin citrat 60mg	SPAS-AGI 60 VNA	AGIMEXPHARM	Viên	780
185	Acid Ursodeoxycholic 300mg	URDOC	AGIMEXPHARM	Viên	10.600
186	Acid Ursodeoxycholic 100mg	URDOC 100	AGIMEXPHARM	Viên	4.000
187	Alverin citrat 120mg	SPAS-AGI 120	AGIMEXPHARM	Viên	1.200
188	Methionin 250 mg	METHIONIN 250mg	Công ty CPDP 3/2	Viên	294
XIV	VITAMIN & KHOÁNG CHẤT				

STT	Tên hoạt chất, nồng độ, hàm lượng	Biệt dược	Nhà sản xuất	ĐVT	Giá bán lẻ năm 2022-2023
189	Acid Alendronic 10mg	OSTAGI 10	AGIMEXPHARM	Viên	5.500
190	Acid Alendronic 70mg	OSTAGI 70	AGIMEXPHARM	Viên	35.200
191	Acid Alendronic 70mg + Cholecalciferol 2800IU	OSTAGI - D3	AGIMEXPHARM	Viên	36.500
192	Acid Alendronic 70mg + Cholecalciferol 5600 IU	OSTAGI - D3 PLUS	AGIMEXPHARM	Viên	40.000
193	Calci Carbonat 1.250mg Cholecalciferol (Vit D3) 200IU	AGI-CALCI	AGIMEXPHARM	Viên	1.200
194	Kẽm Gluconat 70mg (tương đương Kẽm 10mg)	ZINC 10	AGIMEXPHARM	Viên	680
195	Magnesi lactat 470mg Pyridoxin hydroclorid 5mg	MAGISIX	AGIMEXPHARM	Viên	500
196	Raloxifen Hidroclorid 60mg	RAZXIP	AGIMEXPHARM	Viên	7.950
197	Risedronat natri 75mg	DRONAGI 75	AGIMEXPHARM	Viên	62.000
198	a-Tocopheryl acetat 400IU	VITAMIN E 400	Pymepharco	Viên	1.100
199	Calci 600mg(Calci carbonat) Cholecalciferol(vitamin D3) 400UI	VITASMOOTH	Pymepharco	Viên	2.400
200	Sắt 50 mg, Acid folic 350 mcg	Pymeferon B9	Pymepharco	Viên	840
201	Vitamine E 1000 UI	VITAMIN E 1000	Pymepharco	Viên	2.500
202	Vitamin E (dl-alpha tocopheryl acetat) 400 IU	Vitamin E 400 IU	IMEXPHARM	Viên	1.260
XV	THUỐC DÙNG NGOÀI				
203	Betamethason Dipropionat 0,0075g, Acid Salicylic 0,45g	BESALICYD	AGIMEXPHARM	Tuýp	18.500
204	Betamethason dipropionat 6,4mg Neomycin sulfat 50mg	TODERGIM	AGIMEXPHARM	Tuýp	14.900
205	Đồng Sulfat 0.25%	GYSUDO 200ml	AGIMEXPHARM	Chai	9.700
206	Đồng Sulfat 0.25%	GYSUDO 90ml	AGIMEXPHARM	Chai	4.950
207	Methyl Salicylat	METHOCYLAT	AGIMEXPHARM	Tuýp	17.450
208	Povidone Iodine 10%	POVIDONE 1100ml	AGIMEXPHARM	Chai	140.000
209	Povidone Iodine 10%	POVIDONE 200ml	AGIMEXPHARM	Chai	29.000
210	Povidone Iodine 10%	POVIDONE 260ml	AGIMEXPHARM	Chai	45.000

STT	Tên hoạt chất, nồng độ, hàm lượng	Biệt dược	Nhà sản xuất	ĐVT	Giá bán lẻ năm 2022-2023
211	Triamcinoln 0,01g Neomycin sulfat 15.000 IU Nystatin 1.000.000 IU	NEOMIDERM	AGIMEXPHARM	Tuýp	15.800
212	Clotrimazole 50mg Betamethason 2,5mg Gentamicin base 5mg	GENTRITASON	AGIMEXPHARM	Tuýp	11.900
213	Povidone Iodine 10%	POVIDONE 130ml	AGIMEXPHARM	Chai	24.000
214	Acid benzoic + Natri benzoat + Natri fluorid/ chai 250ml	FLUOMEDIC	Công Ty CP Dược Phẩm Dược Liệu Pharmedic	Chai	19.500
215	Acid benzoic + Natri benzoat + Natri fluorid/ chai 90ml	FLUOMEDIC	Công Ty CP Dược Phẩm Dược Liệu Pharmedic	Chai	8.500
216	Menthol 0,16g; Methyl salicylat 0,04g; TD.Bạc hà 1,16g/ Chai 10ml	DẦU GIÓ NÂU	Công Ty CP Dược Phẩm Dược Liệu Pharmedic	Chai	17.100
217	Menthol 0,16g; Methyl salicylat 0,04g; TD.Bạc hà 1,16g/ Chai 3ml	DẦU GIÓ NÂU	Công Ty CP Dược Phẩm Dược Liệu Pharmedic	Chai	11.400
218	Mỗi 800 ml dung dịch chứa: Clorhexidin gluconat (tương đương clorhexidin gluconat 20%: 80 g) 16 g	CHLORFAST 2%	Công Ty CP Dược Phẩm Dược Liệu Pharmedic	Chai	114.000
219	Sulfat đồng 0,25g/ 100g	GYNOFAR (gel)	Công Ty CP Dược Phẩm Dược Liệu Pharmedic	Chai	17.100
220	Crotamiton 2g/20g	Stadeurax	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm-CN1	Tube	24.000
XVI	THUỐC CẢI THIỆN TUẦN HOÀN NÃO				

STT	Tên hoạt chất, nồng độ, hàm lượng	Biệt dược	Nhà sản xuất	ĐVT	Giá bán lẻ năm 2022-2023
221	Piracetam 1200mg	AGICETAM 1200	AGIMEXPHARM	Viên	1.500
222	Piracetam 1200mg	AGICETAM 1200	AGIMEXPHARM	Viên	1.500
223	Betahistin dihydroclorid 16mg	AGIHISTINE 16	AGIMEXPHARM	Viên	1.800
224	Betahistin dihydroclorid 8mg	AGIHISTINE 8	AGIMEXPHARM	Viên	1.200
225	Escitalopram 10mg	CIRAMPLEX 10	AGIMEXPHARM	Viên	5.000
226	Escitalopram 20mg	CIRAMPLEX 20	AGIMEXPHARM	Viên	10.000
227	Fluoxetin hydroclorid 20mg	LUGTILS	AGIMEXPHARM	Viên	2.200
228	Sumatriptan 100mg	SUTAGRAN 100	AGIMEXPHARM	Viên	30.500
229	Piracetam 400mg	NEU-STAM	Pymepharco	Viên	580
230	Piracetam 800mg	PIRACEFTI 800mg	Công ty CPDP 3/2	Viên	735
XVII	THUỐC CHỐNG RỐI LOẠN TÂM THẦN				
231	Olanzapine 10mg	OLANGIM	AGIMEXPHARM	Viên	2.000
232	Levetiracetam 500mg	ZOKICETAM 500	AGIMEXPHARM	Viên	9.397
233	Levetiracetam 750mg	ZOKICETAM 750	AGIMEXPHARM	Viên	14.500
234	Mirtazapin (dưới dạng Mirtazapin hemihydrat) 15mg	ITAZPAM 15	AGIMEXPHARM	Viên	4.500
235	Mirtazapin (dưới dạng Mirtazapin hemihydrat) 30mg	ITAZPAM 30	AGIMEXPHARM	Viên	6.400
236	Mirtazapin (dưới dạng Mirtazapin hemihydrat) 45mg	ITAZPAM 45	AGIMEXPHARM	Viên	11.000
237	Gabapentine 300mg	EPIGABA 300	Pymepharco	Viên	6.000
238	Citalopram (dưới dạng citalopram hydrobromid) 20mg	Citalopram STELLA 20mg	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm-CN1	viên	4.000
239	Fluoxetine hydrochloride 20mg	Fluotin 20	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm-CN1	viên	2.000

STT	Tên hoạt chất, nồng độ, hàm lượng	Biệt dược	Nhà sản xuất	ĐVT	Giá bán lẻ năm 2022-2023
240	Olanzapin 10mg	Olanstad 10	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm-CN2	viên	2.000
241	Pramipexol (dưới dạng pramipexol dihydroclorid monohydrat) 0,18mg	Sifstad 0.18	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm-CN1	viên	5.000
XVIII	THUỐC TỪ DƯỢC LIỆU				
242	Cao khô lá bạch quả 120mg	ACETAKAN 120 VNA	AGIMEXPHARM	Viên	2.500
243	Silymarin 70mg (Dược liệu)	ARGMAGI 70	AGIMEXPHARM	Viên	3.950
244	Cao Diệp Hạ Châu	DIỆP HẠ CHÂU AGI FORT	AGIMEXPHARM	Viên	880
245	Cao khô Kim Tiền Thảo (tương đương 2000 mg Kim Tiền Thảo) 160 mg	KIM TIỀN THẢO AGP 160	AGIMEXPHARM	Viên	550
XIX	THUỐC KHÁC				
246	Aciclovir 5g	AGICLOVIR 5%	AGIMEXPHARM	Tuýp	10.000
247	Bambuterol hydroclorid 10mg	BABUROL	AGIMEXPHARM	Viên	3.000
248	Clotrimazol 500mg	ZOLOMAX FORT	AGIMEXPHARM	Viên	6.500
249	Diosmin 450mg Hesperidin 50mg	AGIOSMIN	AGIMEXPHARM	Viên	2.450
250	Efavirenz 600mg Lamivudin 300mg Tenofovir disoproxil fumarat 300mg	AGIFOVIR-F	AGIMEXPHARM	Viên	32.000
251	Furosemid 20mg	AGIFUROS 20	AGIMEXPHARM	Viên	250
252	Metronidazol 500mg, Neomycine 65.000 IU, Nystatin 100.000 IU.	AGIMYCOB	AGIMEXPHARM	Viên	3.300
253	Tadalafil 20mg	AGITAFIL 20	AGIMEXPHARM	Viên	25.000
254	Tenofovir disoproxil fumarate 300mg Emtricitabin 200mg	AGIFOVIR-E	AGIMEXPHARM	Viên	30.000
255	Tolperison hydroclorid 100mg	TOPEZONIS 100	AGIMEXPHARM	Viên	2.000

STT	Tên hoạt chất, nồng độ, hàm lượng	Biệt dược	Nhà sản xuất	ĐVT	Giá bán lẻ năm 2022-2023
256	Tolperison hydroclorid 50mg	TOPEZONIS 50	AGIMEXPHARM	Viên	700
257	Ribavirin 400mg	RIBATAGIN 400	AGIMEXPHARM	Viên	4.500
258	Ribavirin 500mg	RIBATAGIN 500	AGIMEXPHARM	Viên	5.000
259	Bromocriptin (dưới dạng Bromocriptin mesilat) 1mg	PARCITIN 1	AGIMEXPHARM	Viên	2.830
260	Bromocriptin (dưới dạng Bromocriptin mesilat) 2,5mg	PARCITIN 2,5	AGIMEXPHARM	Viên	5.550

SỞ TÀI CHÍNH